

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 35/2021/HS-PT
Ngày: 16-4-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2021/TLPT-HS ngày 25 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo H.T.S và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2021/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. H.T.S (UD), sinh năm 1992 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã TH, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông H.V.M và bà P.T.B; vợ: N.T.N.T(đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: tại Quyết định số: 61/QĐ-XPHC ngày 14/8/2019 của Công an xã HN, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã nộp phạt xong; nhân thân: tại Bản án số: 17/2011/HSST ngày 25/4/2011 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, chấp hành án xong ngày 08/10/2011, thi hành xong phần dân sự ngày 02/3/2016; bị cáo tại ngoại; có mặt;

2. N.V.H, sinh năm 1983 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp BT, xã TH, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: không biết đọc và viết; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông N.V.V và bà N.T.C; tiền án: không; tiền sự: tại Quyết định số: 05/QĐ-XPVPHC

ngày 25/4/2019 của Công an xã TH, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã nộp phạt xong; bị cáo tại ngoại; có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

N.V.H và H.T.S là người đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính nhưng tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Khoảng 19 giờ ngày 10/4/2020, N.V.H đến nhà của H.V.M.N (thường gọi là T) tại ấp BT, xã TH, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre chơi, N rủ N.V.H đi đánh bài ăn tiền, N.V.H đồng ý. N và N.V.H đến nhà ông L.V.T tại ấp T, xã TH, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tìm người đánh bài. Đến nhà ông L.V.T, ông L.V.T đang ngồi uống rượu cùng L.V.M, do chưa có người chơi đánh bài nên N.V.H và N ở lại nhà ông L.V.T chờ cho đủ người. Khoảng 20 giờ cùng ngày, L.Đ.K đến nhà ông L.V.T giao nước lọc gặp N.V.H và N, N.V.H rủ L.Đ.K chơi đánh bài ăn thua bằng tiền, L.Đ.K đồng ý. Khoảng 20 phút sau, H.T.S và T.V.T đến nhà ông L.V.T chơi gặp N.V.H, N và L.Đ.K. Thấy đủ người nên cả nhóm rủ nhau chơi đánh bài cát tê 52 lá (do ông L.V.T cung cấp) được ăn thua bằng tiền gồm N.V.H, H.T.S, L.Đ.K, T.V.T, số tiền cá cược mỗi ván 10.000 đồng/người, thắng trắng (chết tùng) 20.000 đồng/người, người nào thắng trắng (chết tùng) thì bỏ ra 10.000 đồng nộp cho ông L.V.T. Lúc này N không tham gia mà ngồi uống trà với ông L.V.T và ông L.V.M. Cách chơi là khi bắt đầu chơi sẽ phát cho mỗi người 01 lá bài, người nào có lá bài nước “Cỏ” thì được quyền chia bài và đi trước, mỗi người được chia 06 lá bài, giá trị lá bài được tính giảm dần theo thứ tự “A”, “K”, “Q”, “J”, “10”, “9”, “8”, “7”, “6”, “5”, “4”, “3”, “2”. Nước bài có giá trị giảm dần theo thứ tự: “Cỏ”, “Rô”, “Chuồng”, “Bích”. Người được quyền đi trước sẽ đánh một lá bài bất kỳ, những người khác sẽ đánh theo vòng tròn theo chiều ngược chiều kim đồng hồ so với người đánh bài đầu tiên sẽ đánh 01 lá bài cùng nước bài với người đầu tiên vừa đánh, nhưng giá trị phải lớn hơn hoặc chọn cách úp 01 lá bài xuống trước mặt (gọi là thiếp), tiếp tục đối với những người còn lại lần lượt theo chiều ngược chiều kim đồng hồ so với người đánh bài đầu tiên, người nào giá trị bài lớn nhất và cùng chất với người đánh trước cuối cùng được lật ngửa lá bài đó trước mặt (tồn bài) và là người đánh bài đầu tiên ở vòng sau (đánh lá bài thứ hai). Tương tự cho đến khi đánh hết lá bài thứ tư, người nào liên tục đều úp 04 lá bài thì bị chết tùng tức là thua ván bài đó và phải chờ những người còn lại chơi, nếu cả 3 người đều bị úp 04 lá bài (chết tùng) thì người còn lại có tồn bài là người thắng trắng, 03 người thua cuộc phải chung 20.000 đồng/người cho người thắng cuộc. Nếu có hơn 01 người tồn bài (không bị chết tùng) thì những người

tồn bài còn lại tiếp tục đánh lá bài thứ 5 (gọi là chung) và đến lá bài thứ 6, người tồn lá bài thứ 6 (giá trị bài lớn nhất cuối cùng) sẽ là người thắng cuộc, những người thua cuộc chung 10.000 đồng/người cho người thắng cuộc. Cả nhóm 04 người N.V.H, H.T.S, L.Đ.K, T.V.T cùng chơi khoảng 30 phút (hơn 10 ván bài), chưa có người thắng trắng, L.Đ.K thắng được 50.000 đồng, Tiền thua 50.000 đồng, N.V.H thua 200.000 đồng, H.T.S thắng 200.000 đồng. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Công an xã TH, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đến kiểm tra phát hiện và lập Biên bản sự việc, thu giữ toàn bộ tang vật gồm:

- 02 bộ bài tây mỗi bộ có 52 lá bài, thu giữ tại chiếu bạc.
- Tiền Việt Nam 550.000 đồng thu tại chiếu bạc, trong đó của N.V.H 200.000 đồng, của H.T.S 200.000 đồng, của L.Đ.K 50.000 đồng, của Tiền 100.000 đồng.
- Thu giữ trên người của H.T.S: Tiền Việt Nam 700.000 đồng, 01 điện thoại Nokia loại bàn phím, màu xanh.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JANUS màu đen Biển số 95E1 –xxx.xx tạm giữ của H.T.S do V.T.T.L là chủ sở hữu.
- Thu giữ trên người N.V.H: 01 điện thoại Nokia loại bàn phím, màu đen.
- Thu giữ trên người L.Đ.K: Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng; 01 điện thoại Nokia loại bàn phím, màu đen.
- 01 xe mô tô hiệu Wave RS Biển số 71B2 – xxx.xx màu xanh đen, tạm giữ của L.Đ.K.
- Thu giữ trên người T.V.T: Tiền Việt Nam 1.750.000 đồng; 01 điện thoại Philip loại bàn phím, màu đỏ.
- 01 xe gắn máy hiệu Honda 67 Biển số 50KB – xxx màu đen, tạm giữ của T.V.T.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo H.T.S và N.V.H phạm “Tội đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo H.T.S 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình; xử phạt bị cáo N.V.H 04 (bốn) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/02/2021 bị cáo H.T.S kháng cáo yêu cầu áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Ngày 03/02/2021 bị cáo N.V.H kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp bản án sơ thẩm. Bị cáo H.T.S bổ sung thêm kháng cáo yêu cầu áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính; bị cáo N.V.H bổ sung thêm kháng cáo yêu cầu phạt tiền là hình phạt chính hoặc cải tạo không giam giữ.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo H.T.S, N.V.H phạm “Tội đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo và xử phạt bị cáo H.T.S 06 tháng tù, xử phạt bị cáo N.V.H 04 tháng tù. Xét kháng cáo của bị cáo H.T.S, bị cáo có nhân thân xấu nên không đủ điều kiện hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; Xét kháng cáo của bị cáo N.V.H, bị cáo không đủ điều kiện hưởng án treo, phạt tiền không đủ sức giáo dục đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo phạm tội lần đầu nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ. Đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H.T.S; chấp nhận kháng cáo của bị cáo N.V.H. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo H.T.S 06 (sáu) tháng tù về “Tội đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình; xử phạt bị cáo N.V.H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về “Tội đánh bạc”. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Lời nói sau cùng, bị cáo H.T.S yêu cầu giảm nhẹ để về nuôi con; bị cáo N.V.H yêu cầu giảm nhẹ để về làm nuôi ba, mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào khoảng 20 giờ 20 phút ngày 10/4/2020, H.T.S, N.V.H, L.Đ.K, T.V.T chơi đánh bài cát tê ăn thua bằng tiền tại nhà ông L.V.T tại ấp T, xã TH, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Đến 21 giờ cùng ngày, bị lực lượng Công an bắt quả tang. Số tiền mà H.T.S, N.V.H và các con bạc dùng vào việc đánh bạc được thu tại chiếu bạc là 550.000 đồng, thu trên người của H.T.S 700.000 đồng, H.T.S khai nhận dùng để đánh bạc. Số tiền tham gia đánh bạc chưa đến 5.000.000 (năm triệu) đồng nhưng H.T.S, N.V.H đã có tiền sự về hành vi đánh

bạc chưa được xóa tiền sự mà tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc. Với ý thức, hành vi, nhân thân và số tiền mà các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo H.T.S, N.V.H phạm “Tội đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; thành khẩn khai báo; bị cáo N.V.H có tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo H.T.S và áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo N.V.H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H.T.S cung cấp xác nhận nuôi con nhỏ, tuy nhiên về nhân thân bị cáo đã bị kết án nên Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo hay áp dụng hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn là phù hợp nên được giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H.T.S. Đối với bị cáo N.V.H có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo không biết chữ phần nào hạn chế việc hiểu biết pháp luật, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo, chấp nhận kháng cáo của bị cáo đối với yêu cầu áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: bị cáo H.T.S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Bị cáo N.V.H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo H.T.S và N.V.H phạm “Tội đánh bạc”.

1.1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H.T.S, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **H.T.S** (UĐ) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.2. Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo N.V.H sửa quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **N.V.H** 12 (Mười hai) tháng “Cải tạo không giam giữ”. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo **N.V.H** về cho Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các bị cáo **H.T.S** phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo **N.V.H** không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về biện pháp tư pháp và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (6b);
- VKSND huyện Giồng Trôm (1b);
- Công an huyện Giồng Trôm (1b);
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm (1b);
- UBND xã TH, huyện Giồng Trôm (1b);
- Các bị cáo (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh